

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1309/2018/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 21 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1973/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 170/20/23A, tổ 50A, khu phố 11A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Kim O, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 170/20/23A, tổ 50A, khu phố 11A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn D và bà Trần Thị Kim O.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Có 02 con chung là Trần Lan A, sinh ngày 22/7/2005 và Trần Thị Anh T, sinh ngày 19/3/2013. Ly hôn giao 02 cháu Trần Lan A và Trần Thị

Anh T cho bà Trần Thị Kim O trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông Trần Văn D cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng/01cháu/tháng kể từ khi có quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Ông D bà O trình bày không có, không đặt ra xem xét.

- Về án phí HNGĐ: Ông Trần Văn D phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Bà Trần Thị Kim O phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Do ông Trần Văn D tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 300.000 đồng, nên được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 008890 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa. Ông Trần Văn D đã nộp xong án phí.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Dương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Ngọc Tuyền